

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Đồng Nai, ngày 27 tháng 4 năm 2016

Biên Hòa, ngày 15 tháng 04 năm 2016

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
2. Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch năm 2016.
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.
5. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.
6. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
7. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.
8. Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.
9. Tờ trình thông qua chủ trương tăng vốn Điều lệ Công ty.
10. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.
11. Tờ trình thù lao, lương của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016.
12. Báo cáo về việc đăng ký công ty đại chúng.
13. Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
14. Tài liệu báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán. Gồm:
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Kết quả sản xuất kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

- 1. Thời gian tổ chức Đại hội:** 7 giờ 30 phút Thứ Tư ngày 27 tháng 4 năm 2016
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Số 48 - CMT8 - phường Quyết Thắng - Tp. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
- 3. Nội dung đại hội:**

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
7h30 đến 8h	3.1 Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội: - Các cổ đông đăng ký với Ban tổ chức, nhận phiếu biểu quyết, tài liệu của đại hội - Ban tổ chức bố trí nơi ngồi, ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội.
8h đến 8h10	3.2 Khai mạc: - Chào cờ; - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Lấy ý kiến thông qua của Đại hội về danh sách của Đoàn chủ tịch, Ban thư ký đại hội; - Mời đoàn chủ tịch và Ban thư ký lên làm việc điều hành đại hội.
8h10 đến 8h25	3.3 Thông qua Ban kiểm phiếu và giới thiệu chương trình Đại hội: - Lấy ý kiến thông qua của đại hội về danh sách Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu biểu quyết của đại hội. - Thông qua nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
8h25 đến 10h15	3.4 Thông qua các báo cáo và văn kiện tại Đại hội: - Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán; - Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2015 và kế hoạch năm 2016; - Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2015; Báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2015; - Thông qua phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ năm 2015; - Thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty. (Phụ lục đính kèm Tờ trình) - Thông qua Tờ trình chủ trương tăng vốn Điều lệ Công ty.

10h15 đến 10h30	3.5 Đại hội thảo luận về các báo cáo và các tờ trình
10h30 đến 10h45	3.6 Nghỉ giải lao
10h45 đến 11h10	3.7 Đại hội thông qua các văn kiện khác: - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016; - Thông qua mức thù lao và lương của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016; - Thông qua báo cáo Đại hội về việc đăng ký công ty đại chúng.
11h10 đến 11h20	3.8 Thông qua nghị quyết và biên bản Đại hội
11h20 đến 11h30	3.9 Bế mạc Đại hội.

Biên Hoà, ngày 27 tháng 4 năm 2016

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Điều kiện tham dự Đại hội.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 10/4/2016 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trong đó:

- **Thẻ biểu quyết** (Ghi: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền))
- **Phiếu biểu quyết** (Ghi nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến)).

c) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. **Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.**

d) Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã

phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban Thư ký.

e) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình dự thảo, tờ trình về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm: kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt đến ngày 10/4/2016; Phát tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội.

1. Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm phiếu.

1. Ban kiểm phiếu gồm 03 người, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết tại Đại hội của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;
- b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung biểu quyết và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký;
- c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu biểu quyết và báo cáo kết quả biểu quyết để hoàn chỉnh nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 10/4/2016.

Điều 10. Thẻ lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Thẻ biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

b) Ban Kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ “tán thành”, sau đó đếm số thẻ “không tán thành” và cuối cùng đếm số thẻ “không có ý kiến” để tổng hợp kết quả biểu quyết.

c) Ban Kiểm phiếu sẽ thu hồi toàn bộ Phiếu biểu quyết để tiến hành kiểm phiếu biểu quyết. Trưởng Ban Kiểm phiếu sẽ tổng hợp và báo cho Ban Thư ký ghi vào Biên bản kết quả biểu quyết cho từng nội dung được biểu quyết để công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến Đại hội, cụ thể:

a) Biểu quyết bằng cách ghi trên **Phiếu biểu quyết**: các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết. Các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

b) Biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết**: Một số vấn đề khác cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến, cụ thể như:

- Thông qua Đoàn chủ tịch, thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội;
- Và các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp tán thành.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai.

Điều 13. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành.

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần một. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên công ty cổ phần lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Thành

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 như sau:

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai: *Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng công nghiệp, lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng.*

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Nai thẩm tra, chấp thuận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần.

Khi mới thành lập năm 2008, vốn Điều lệ Công ty là 5 tỷ. Sau 2 lần tăng vốn, đến nay vốn Điều lệ Công ty là: 16.750.000.000đ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/01/2013). Từ năm 2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

I- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Căn cứ Danh sách cổ đông chốt đến ngày 10/4/2016, cơ cấu HĐQT Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Trọng Thành	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 21.000 CP (1,25%) - Đại diện được ủy quyền: 374.180 CP (22,3%)
2	Phạm Văn Hội	Thành viên HĐQT Giám đốc	- Sở hữu cá nhân: 30.080 CP (1,8 %) - Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 268.000 CP (16%)
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	- Sở hữu cá nhân: 99.760 CP (5,96 %) - Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 201.000 CP (12%)

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty gồm 03 người: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm công tác chuyên trách, còn 2 thành viên khác đồng thời là Giám đốc và Phó giám đốc Công ty, trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày tại Công ty.

II- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

1- Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2015:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Sản lượng				
a	Sản xuất nước sạch	m ³	4.404.500	4.664.531	106%
b	Sản xuất nước thô	m ³	526.300	481.640	91,5%
c	Tiêu thụ nước sạch	m ³	4.197.500	4.442.794	106%
d	Tiêu thụ nước thô	m ³	511.000	467.610	91,5%
2	Tổng doanh thu	đồng	66.854.875.000	91.325.963.887	136%
a	Sản xuất nước thô	đồng	2.299.500.000	2.104.245.000	91,5%
b	Sản xuất nước sạch	đồng	24.555.375.000	25.990.344.900	106%
c	Xây lắp	đồng	40.000.000.000	63.231.373.987	157%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	4.900.000.000	11.024.123.978	225%
4	Thuế thu nhập DN (22%)	đồng	1.078.000.000	2.899.550.893	269%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.822.000.000	8.124.573.085	212,5%
6	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL	%	29,3%	65,8%	225%
7	Trích lập các quỹ (23% LNST)	đồng	764.400.000	1.868.651.809	233,8%
a	Quỹ đầu tư phát triển (10%)	đồng	382.200.000	812.457.309	212,5%
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (13%)	đồng	382.200.000	1.056.194.500	276%
	- <i>Quỹ khen thưởng CB.CNV (4%)</i>	đồng	152.880.000	324.982.923	212,5%
	- <i>Quỹ thưởng Ban điều hành (3%)</i>	đồng		243.737.192	212,5%
	- <i>Quỹ phúc lợi CB.CNV (4%)</i>	đồng	152.880.000	324.982.923	212,5%
	- <i>Quỹ phúc lợi cộng đồng (2%)</i>	đồng	76.440.000	162.491.462	212,5%
8	Lợi nhuận chia cổ tức (61,8%)	đồng	2.512.500.000	5.025.000.000	200%
9	Vốn điều lệ năm 2015	đồng	16.750.000.000	16.750.000.000	100%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	15%	30%	200%
11	Lợi nhuận còn lại b/s quỹ đầu tư phát triển	đồng	545.100.000	545.100.000	100%
12	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	đồng		685.821.276	
13	Phát sinh nộp ngân sách	đồng	3.000.000.000	9.273.136.748	309%

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ % hoàn thành
14	Tổng quỹ lương	đồng	12.368.000.000	16.895.000.000	136%
15	Số lao động b/q (người)		110	115	115%
16	Thu nhập bình quân người/tháng		9.400.000.000	10.400.000	110%

Để đạt được thành tích trên là nhờ sự cố gắng, đóng góp tích cực của CBCNV, người lao động trong Công ty cùng sự giúp đỡ về mọi mặt và sự quan tâm chỉ đạo của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

2- Các hoạt động sản xuất của công ty năm 2015:

a) Công tác thi công các công trình cho khách hàng:

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện thi công lắp đặt các công trình cho Ban Quản lý dự án Biên Hòa như sau:

- Nâng cấp mở rộng đường Huỳnh Văn Lũy nối dài. Hạng mục: Xây dựng hệ thống cấp nước;
- Di dời hệ thống cấp nước thuộc dự án xây dựng cầu Xóm Mai -P. Trảng Dài, tp. Biên Hòa;
- Dự án đường vào trường tiểu học Lê Văn Tám, Gói thầu xây lắp số 2;
- San lấp ao trũng và xây dựng tuyến đường ngang 3 tại khu phố 2&3-P. Thanh Bình, tp. Biên Hòa.

Ngoài ra còn có dự án Xây dựng tuyến ống cấp nước D300mm bằng gang dài 240m thay thế đoạn ống nước D300 hiện hữu, vị trí trước công trình Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai.

Ngoài công tác thi công các tuyến ống cấp nước cho các chủ đầu tư bên ngoài, Công ty cũng đã thi công các công trình của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai giao như: các công trình lắp đặt mới cho các hộ hùn, cải tạo sửa chữa chuyển đổi các HTCN trong các phường xã thành phố Biên Hòa.

b) Về công tác thi công lắp đặt ống nhánh cho khách hàng:

Trong năm 2015 Công ty đã thực hiện lắp đặt 14.205 bảng chiết tính cho hộ gia đình và các doanh nghiệp sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất.

Thi công và lắp đặt đồng hồ điện từ cho các chi nhánh cấp nước Biên Hòa và Long Bình.

c) Về công tác sản xuất cung cấp nước:

Trong năm 2015 đã thực hiện như sau:

- Sản xuất nước sạch cung cấp cho các phường xã: Hóa an, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Bình quân đạt 12.341 m³/ngày, đạt 82% công suất. Tỷ lệ thất thoát: 4,8%.
- Sản xuất nước thô cung cấp cho công ty Pouchen. Bình quân đạt 1.299 m³/ngày. Đạt 21,65% công suất. Tỷ lệ thất thoát: 2,9%.
- Chất lượng nước đảm bảo, các nguồn nước khi xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và lý hóa theo quy định đạt chất lượng 100%.
- Định mức tiêu hao về điện năng, hoá chất sử dụng đạt yêu cầu và thấp hơn theo định mức của Bộ Xây dựng.

- Trong năm 2015: Công ty đã lắp đặt biển tần cho các máy bơm nước sạch cũng như điều phối vận hành với chi nhánh cấp nước Biên Hòa. Qua đó điều tiết được áp lực mạng cho từng thời điểm, đảm bảo đủ lượng nước cung cấp cho khách hàng, tiết kiệm chi phí và giảm thất thoát nước.

3) Tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động - Công tác đời sống xã hội:

a) Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với CB.CNV:

- Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng, Lễ, Tết cho CB-CNV kịp thời.
- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm.. thực hiện đánh giá theo phân loại A,B,C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích trong phong trào thi đua năm 2015.
- Tổ chức xét nâng lương và thi tay nghề cho CB.CNV - LĐ.
- Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi CB.CNV khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ.
- Trang bị đầy đủ quần áo, đồng phục cho CB.CNV và dụng cụ phục vụ lao động sản xuất.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB.CNV-LĐ.
- Phát tiền, quà cho các cháu thiếu nhi là con của CB.CNV-LĐ trong ngày Tết trung thu.
- Hàng năm tổ chức cho CNVC-LĐ nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe theo chế độ (tổ chức cho CBCNV Công ty đi nghỉ mát tại Nha Trang).

Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, lãnh đạo Công ty còn quan tâm chăm lo thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất..

b) Tham gia đóng góp, ủng hộ công tác xã hội từ thiện.

III- CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo định hướng về chiến lược phát triển của Công ty, các chủ trương và kế hoạch SXKD, chỉ đạo công tác quản lý điều hành.. trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị .

- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc cũng như việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông và người lao động.

- Hội đồng quản trị tiến hành họp thường kỳ hàng Quý để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đến nay, HĐQT (nhiệm kỳ II) đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và đột xuất, với các nội dung chính như sau:

- *Lần thứ 18:* Báo cáo và đánh giá tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2015. Đề ra phương hướng, nhiệm vụ SXKD thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2015.
- *Lần thứ 19:* Thông qua Quyết định phê duyệt quyết toán Dự án nhà máy nước Hóa An công suất 15.000m³/ngày đêm.
- *Lần thứ 20:* Trích Quỹ khen thưởng để thưởng cuối năm cho Ban điều hành Công ty và CB-CNV đóng góp cho hoạt động của Công ty trong năm 2015.

• *Lần thứ 21:* Thông qua Báo cáo tài chính và kết quả SXKD năm 2015. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016. Thông qua nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

• Ngoài ra, các thành viên HĐQT thường xuyên gặp nhau để trao đổi, bàn bạc giải quyết các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2015, HĐQT đã đề ra Quyết định về các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, định hướng và kế hoạch hoạt động SXKD của Công ty. Cụ thể các vấn đề như:

• củng cố bộ máy tổ chức quản lý sản xuất và cơ chế vận hành của nhà máy nước Hoá An c/s: 15.000m³ ngày/đêm, khai thác công suất tối đa, quản lý hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả của nhà máy

• Thực hiện quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành, tăng TSCĐ và phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày theo quy định.

• Trình Công ty mẹ phê duyệt chủ trương: đầu tư mua sắm TSCĐ để xây dựng, mở rộng nhà máy nước Hoá An, nâng công suất nhà máy từ 15.000m³ ngày đêm lên 30.000m³ ngày đêm (theo văn bản số 23/DV-XDCN ngày 19/3/2015).

• Chỉ đạo công tác đăng ký công ty cổ phần đại chúng, phối hợp với tư vấn trong việc bổ sung hồ sơ và làm các báo cáo giải trình nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

• Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu cho công tác tổ chức Đại hội cổ đông 2016. Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty theo Luật doanh nghiệp 2014.

IV- KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC :

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý Chủ tịch HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý của các bộ phận trong Công ty trực tiếp báo cáo HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD, tình hình thực hiện các công trình, dự án. Đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình công tác và những vấn đề cần giải quyết, cùng bàn bạc và tìm ra giải pháp thực hiện. Nếu có vướng mắc cùng nhau họp bàn để tìm cách khắc phục nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD của Nghị quyết đại hội cổ đông 2015.

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty: tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nước sạch của nhà máy nước Hoá An. Chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty: yêu cầu bộ phận kỹ thuật phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thi công, lắp đặt theo đúng qui định của Công ty.

V- THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

STT	Chức danh	Số người	Thù lao (đồng/người/ tháng)	Tiền lương (đồng/người/ tháng)	Cộng năm (12 tháng) (đồng/năm)
-----	-----------	----------	-----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

STT	Chức danh	Số người	Thù lao	Tiền lương	Cộng năm (12 tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	1	4.000.000	22.000.000	312.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	2	3.000.000		72.000.000
	Cộng	3			384.000.000

VI- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016:

1- Các chỉ tiêu cơ bản về kế hoạch SXKD năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
1	Doanh thu	đồng	79.490.125.000
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.400.000.000
4	Lợi nhuận chia cổ tức (20% /VĐL)	đồng	3.350.000.000
5	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	20 %

2- Phương hướng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị năm 2016:

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty cổ phần tổ chức tốt Hội nghị người lao động trong năm 2016.
- Tiếp tục thực hiện việc đăng ký Công ty cổ phần đại chúng theo qui định của Luật chứng khoán.
- Phê duyệt và ban hành qui chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Cân đối nguồn vốn để trả nợ cho Quỹ đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai theo khế ước và hợp đồng vay vốn.
- Tăng cường chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, tình hình đầu tư TSCĐ, đầu tư XDCB, công tác quản trị... Kiểm tra, kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.
- Tập trung thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty trong năm 2016, phát triển mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Cùng với Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ SXKD và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm 2016, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Nơi nhân:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu BC-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TM HỘI ĐỒNG CHỦ T

Đặng Trọng Thành

Biên Hoà, ngày 15 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Công ty CP Dịch vụ & Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai và kết quả kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2015 do Ban kiểm soát thực hiện.

Hôm nay, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm 2015 như sau:

I- BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2015:

1- Tình hình hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty:

1.1 Về công tác lắp đặt đường ống:

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty mẹ (Công ty CP Cấp nước Đồng Nai) và thi công các công trình lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo hợp đồng. Tổng số bảng chiết tính đã thực hiện năm 2015 là: 14.205 BCT.

- Thi công các công trình sửa chữa cải tạo, công trình mở rộng mạng lưới cấp nước do Công ty mẹ giao. Trong năm 2015 đã hoàn thành các công trình lắp đặt và sửa chữa đường ống lớn như: công trình di dời HTCN cầu Hóa An, HTCN cho KCN Loteco Phường Long Bình (Đợt 2), HTCN xã Long Hưng tuyến ống HDPE D560 băng đường, HTCN đường Huỳnh Văn Lũy nối dài - Phường Quang Vinh... Tổng giá trị xây lắp thực hiện năm 2015: **62.994.346.360 đồng**.

1.2 Về công tác sản xuất nước và các dịch vụ khác:

- Trạm bơm nước thô Hoá An hoạt động sản xuất nước ổn định, đảm bảo nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- ◆ Tổng sản lượng nước sản xuất: 481.640 m³
- ◆ Tổng sản lượng nước tiêu thụ : 467.610 m³
- ◆ Tổng điện năng tiêu thụ: 33.306 KW
- ◆ Doanh thu thực hiện 2015 : 2.104.245.000 đ

- Nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày đêm bắt đầu hoạt động từ tháng 5/2014, đến nay đã vận hành gần hết công suất thiết kế (đạt 85% công suất thiết kế). Trong năm 2015:

- ◆ Tổng sản lượng nước sản xuất: 4.664.531 m³
- ◆ Tổng sản lượng nước ghi thu: 4.442.794 m³
- ◆ Tỷ lệ thất thoát: 4,8 %
- ◆ Doanh thu năm 2015: 25.990.344.900 đồng

- Xưởng cơ khí tiếp tục hoạt động gia công phụ tùng, vật tư phục vụ cho công tác lắp đặt, sửa chữa, cải tạo đường ống. Gia công cơ khí phục vụ công tác bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị thi công. Gia công phục vụ công tác sửa chữa bảo trì, vận hành của nhà máy nước Hóa An.

1.3 Công tác đầu tư XD CB, đầu tư TSCĐ:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Đầu năm 2015, Công ty lập hồ sơ Quyết toán và ký hợp đồng với Công ty Kiểm toán Tư vấn Tài chính DNP để kiểm toán hồ sơ quyết toán công trình XD CB hoàn thành. Tháng 9/2015, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án xây dựng nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày với tổng giá trị quyết toán công trình là: 44.096.647.584 đồng.

- Trong năm 2015, Công ty đã mua sắm TSCĐ, máy móc thiết bị (máy phát điện) cho nhà máy nước Hoá An: 1.433.433.273 đồng và đầu tư XD CB (hệ thống máy phát điện của nhà máy): 1.890.872.416 đồng. Việc đầu tư TSCĐ phục vụ SXKD thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty cổ phần.

1.4 Công tác tổ chức, lao động và nhân sự:

- Tình hình tổ chức, nhân sự ổn định. Việc phân bổ lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Cơ cấu nhân sự và lao động tại nhà máy nước Hoá An đã bố trí, sắp xếp hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay.

- Tổng số CB CNV tại thời điểm 31/12/2015 là: 115 người, trong đó:

- + Trình độ đại học : 31 người, chiếm 27 %
- + Cao đẳng và trung cấp : 16 người, chiếm 14 %
- + Lao động gián tiếp: 41 người, chiếm 35 %
- + Công nhân trực tiếp : 74 người, chiếm 65 %

- Tổng quỹ lương năm 2015 của Công ty: 16.895 triệu đồng

- Thu nhập bình quân: 10,4 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống CB-CNV. Trong năm 2015, Công ty đã tổ chức hội nghị người lao động, ký thỏa ước lao động tập thể với người lao động. Thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và đời sống người lao động được cải thiện, người lao động trong Công ty an tâm công tác và hoàn thành nhiệm vụ. Công tác đoàn thể hoạt động khá tích cực, công tác xã hội cũng được quan tâm thực hiện.

1.5 Công tác Tài chính - kế toán:

Tuân thủ qui chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần. Triển khai áp dụng chế độ kế toán mới ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Thực hiện tốt công tác báo cáo kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ nộp ngân sách. Bộ máy kế toán phù hợp, đảm bảo được yêu cầu công việc.

2- Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai :

2.1- Tài sản của Công ty:

Tổng tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2015 : 73.013.198.349 đ.

2.1.1 Tài sản ngắn hạn: 35.945.093.247 đ, bao gồm:

- Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng : 24.504.046.121 đ
- Nợ phải thu ngắn hạn: 10.674.521.780 đ.
- Hàng tồn kho : 766.525.346 đ

2.1.2 Tài sản dài hạn: 37.068.105.102 đ

- Nợ phải thu dài hạn: 2.420.935.577 đ
- Tài sản cố định: 34.647.169.525 đ. Trong đó:
 - + Nguyên giá TSCĐ : 50.940.597.468 đ
 - + Giá trị hao mòn lũy kế 16.293.427.943 đ

Nguyên giá TSCĐ trong năm 2015 tăng 3.324.305.689 đồng Trích khấu hao TSCĐ trong năm là: 6.498.983.706 đ. Việc trích khấu hao thực hiện đúng theo qui định hiện hành.

2.2- Nguồn vốn của Công ty:

Tổng nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2015: 73.013.198.349 đ. Bao gồm:

2.2.1 Nợ phải trả (đến 31/12/2015): 44.304.084.439 đ (trong đó: nợ vay dài hạn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai: 25.625.000.000 đ)

2.2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu (đến 31/12/2015): 28.709.113.910 đ, bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 16.750.000.000 đ
- Thặng dư vốn cổ phần : 31.510.500 đ
- Quỹ đầu tư phát triển : 3.803.030.325 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối : 8.124.573.085 đ

2.3. Tình hình công nợ:

- Nợ phải thu (đến 31/12/2015): 10.598.039.160 đồng
 - a- Phải thu tiền nước 198.544.500 đ
 - b- Phải thu lắp đặt : 9.418.858.788 đ
 - c- Phải thu khác : 980.635.872 đ
- Nợ phải trả (đến 31/12/2015): 44.304.084.439 đồng.
- Nợ phải trả quá hạn: Không
- Nợ phải thu khó đòi: 87.512.173 đồng.

(Công ty CP Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai có khoản nợ phải thu khó đòi là: 87.512.173 đ của Công ty TNHH Xây dựng Duy Tiên. Kế toán đã lập dự phòng khoản phải thu khó đòi này vào niên độ kế toán 2014 theo qui định của Thông tư số

228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về trích lập dự phòng và theo Quy chế quản lý nợ của Tổng Công ty Phát triển KCN. Trong năm 2015, Công ty đã làm hồ sơ khởi kiện Công ty này ra tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai để xử lý theo quy định của pháp luật).

2.4- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2015	% so với KH 2015
1	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp DV - Doanh thu xây lắp - Doanh thu tiền nước	91.325.963.887 63.231.373.987 28.094.589.900	136,6 % 158 % 104,6 %
2	Doanh thu hoạt động tài chính	354.549.288	
3	Giá vốn hàng bán	75.603.579.286	
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	15.722.384.601	
5	Chi phí bán hàng	260.561.271	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.540.167.640	
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.024.123.978	225 %
8	Thu nhập khác	-	
9	Chi phí khác	-	
10	Lợi nhuận khác	-	
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.024.123.978	225 %
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.899.550.893	
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.124.573.085	212,5 %
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.850	212,5 %

(Theo BCTC năm 2015 đã kiểm toán)

2.5- Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	10,34 %	12 %
2	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	7,72 %	11,1 %
3	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	23,2 %	28,3 %
4	Tỉ suất lợi nhuận ròng (LN sau thuế/ DT thuần) (ROS)	8,1 %	8,9 %
5	Vòng quay tài sản BQ (DT thuần / Tổng tài sản BQ)	0,96	1,24
6	Khả năng thanh toán nợ hiện hành	1,73 lần	1,95 lần
7	Hệ số nợ trên tổng tài sản	0,66 lần	0,60 lần

II- BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ CÔNG TY:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành Công ty đã phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, thể hiện vai trò lãnh đạo, tinh thần trách nhiệm trước CBCNV và cổ đông của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các qui định của pháp luật trong công tác quản lý, quản trị, nâng cao năng lực bộ máy quản lý điều hành, tăng cường củng cố hệ thống quản trị doanh nghiệp, thống nhất trong công tác quản lý và không có xung đột về quyền lợi.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý Công ty phối hợp hoạt động chặt chẽ, đồng thuận trên cơ sở phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh; kế hoạch triển khai các công trình thi công lắp đặt; đề ra các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ phù hợp tình hình Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo cho các hoạt động của Công ty một cách tốt nhất.

- Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, công tác tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty. Phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề:

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành.
- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đề ra.
- Thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.

2- Hoạt động của Ban Giám đốc

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Giám đốc đã triển khai thực hiện các phương án SXKD, giải pháp thực hiện cụ thể, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Trong năm 2015, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành, tranh thủ sự hỗ trợ toàn diện và ý kiến chỉ đạo từ Công ty mẹ.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị. Đồng thời qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc

trực tiếp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại, trình bày phương hướng hoạt động, kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế, tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

III- NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Công ty đã hoạt động theo quy chế & điều lệ của Công ty cổ phần, chấp hành đúng chế độ chính sách nhà nước, tuân thủ các qui định về pháp luật và thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông .

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao, điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của chủ sở hữu giao và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc chấp hành các Quy chế, nội qui của Công ty được thực hiện nghiêm túc. Công ty chấp hành qui chế về quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn. Công tác kế toán thực hiện đúng chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính minh bạch, rõ ràng, phản ánh trung thực và chính xác tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015.

- Năm 2015, hoạt động SXKD của Công ty duy trì tăng trưởng ổn định. Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Tổng doanh thu (gồm doanh thu xây lắp, doanh thu tiền nước và doanh thu hoạt động TC) tăng 30% so với năm 2014, lợi nhuận ròng tăng 42,7% so với năm 2014, tỷ lệ cổ tức năm 2015 dự kiến 30% (gấp 2 lần so với kế hoạch).

- Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng và nhận thầu được các công trình có giá trị lớn như: hệ thống cấp nước cho KCN Loteco (gói thầu số 1), hệ thống cấp nước đường Huỳnh Văn Lũy nối dài...và các công trình lắp đặt, sửa chữa do Công ty mẹ giao.

Nhìn chung, để hoàn thành nhiệm vụ SXKD và đạt được kết quả SXKD năm 2015, chính là nhờ sự cố gắng nỗ lực của toàn thể CBCNV trong Công ty và sự giúp đỡ, hỗ trợ rất nhiều của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**


Đỗ Thị Thúy Hằng

Biên Hoà, ngày 15 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO

TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Căn cứ Điều lệ của công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng cấp nước Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2015, Ban kiểm soát xin được báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2015 như sau:

I- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2015:

1- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2015 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được quy định. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra và giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, qui chế quản trị nội bộ, qui chế tài chính, qui chế hoạt động của Công ty cổ phần. Kiểm tra công tác quản trị điều hành Công ty.
- Trong năm, qua các lần kiểm tra định kỳ và các báo cáo của Công ty gửi, các thành viên Ban kiểm soát đã xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành Công ty; đánh giá tình hình SXKD, tình hình quản lý tài chính, công tác hạch toán kế toán, việc tuân thủ Điều lệ và các chính sách, chế độ hiện hành.
- Tham gia các cuộc họp cùng với Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch phát triển SXKD của Công ty. Được Công ty cung cấp thông tin kịp thời và được trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2015 của Công ty, phối hợp với các bộ phận có liên quan để làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính.

2- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ: tham gia giám sát việc quản lý điều hành SXKD, công tác tài chính kế toán và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Qua các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã trao đổi, phân tích, đánh giá tình hình SXKD, tình hình quản lý tài chính, việc tuân thủ Điều lệ và các qui chế hoạt động của công ty cổ phần.

- Ban kiểm soát được đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn, trung thực, khách quan với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên tinh thần trách nhiệm, hợp tác, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất, chặt chẽ trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

3- Thù lao của Ban kiểm soát năm 2015:

Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2015 thực hiện theo mức thù lao đã được Đại hội cổ đông năm 2015 thông qua :

STT	Chức danh	Số người	Thù lao (đồng/người/ tháng)	Cộng năm (12 tháng) (đồng/năm)
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.000.000	48.000.000
	Cộng	3		84.000.000

II- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị và việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần.

- Giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty: trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty: quyền và nghĩa vụ cổ đông, qui chế nội bộ về quản trị Công ty, thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin..của công ty cổ phần.

- Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính và kết quả SXKD 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty; tại qui chế hoạt động của BKS hoặc do Đại hội đồng cổ đông và chủ sở hữu yêu cầu.

- Phần đầu nâng cao năng lực của từng thành viên trong BKS, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 tại Công ty CP Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Đỗ Thị Thúy Hằng

Biên Hoà, ngày 15 tháng 04 năm 2016

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

- Đẩy mạnh hoạt động chính: thi công lắp đặt hệ thống ống nhánh cho khách hàng thi công các công trình cải tạo, sửa chữa, mở rộng hệ thống cấp nước trong thành phố Biên Hoà do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao.
- Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công các hệ thống cấp nước.
- Chủ động tìm kiếm, khai thác các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch về sản lượng & doanh thu trong năm 2016.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, hoàn tất hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán của các công trình đã hoàn thành để thu hồi vốn nhanh, nhằm tái đầu tư sản xuất
- Duy trì ổn định sản xuất, cung cấp nước cho các khách hàng đang sử dụng nước. Duy trì hoạt động ổn định trạm bơm Hoà An, đảm bảo nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, phân đầu giảm tỉ lệ thất thoát nước theo kế hoạch.
- Quản lý vận hành tốt nhà máy nước Hóa An. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hoạt động và quản lý vận hành sản xuất: quản lý nguyên liệu đầu vào, duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị, quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn, thực hiện các qui định về khai thác, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường.... Nâng cao trình độ, biện pháp kỹ thuật trong sản xuất và tiêu thụ nước. Tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ tỉ lệ thất thoát.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
1	Sản lượng		
a	Sản xuất nước sạch	m ³	3.992.188
b	Sản xuất nước thô	m ³	473.738

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
c	Tiêu thụ nước sạch	m ³	3.832.500
d	Tiêu thụ nước thô	m ³	460.000
2	Doanh thu		79.490.125.000
a	Sản xuất nước	đồng	24.490.125
b	Xây lắp	đồng	55.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.500.000.000
4	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL	%	32,8%
5	Thuế thu nhập DN (20%)	đồng	1.100.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.400.000.000
7	Trích quỹ (tối thiểu 23,5% LNST)	đồng	1.034.000.000
a	Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	đồng	440.000.000
b	Quỹ khen thưởng CB.CNV (4% LNST)	đồng	176.000.000
c	Quỹ thưởng ban điều hành (3,5% LNST)	đồng	154.000.000
d	Quỹ phúc lợi CB.CNV (4% LNST)	đồng	176.000.000
đ	Quỹ phúc lợi cộng đồng (2% LNST)	đồng	88.000.000
8	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	đồng	685.821.276
9	Lợi nhuận chia cổ tức (20%/VĐL)	đồng	3.350.000.000
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau	đồng	701.821.276
11	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	5.000.000.000
12	Tổng quỹ lương	đồng	14.700.000.000
13	Lao động	người	120
14	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	đồng	10.200.000
15	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	20%

III- CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016:

1- Công tác thi công lắp đặt đường ống:

Chú trọng các biện pháp kỹ thuật nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt. Tăng cường công tác kiểm tra các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, chi phí nhân công thuê ngoài, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí quản lý...nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2- Công tác sản xuất và cung cấp nước:

- Tăng cường phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trong toàn Công ty.

3- Về điều hành quản lý sản xuất:

- Tăng cường khai thác tối đa công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống

đường ống cấp nước. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Công ty mẹ (chi nhánh cấp nước Biên Hòa) trong việc bàn giao, đấu nối và điều phối, nâng cao sản lượng cấp nước.

- Quản lý vận hành tốt nhà máy nước Hóa An công suất 15.000m³/ngày: duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào. Thực hiện các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường.. Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

- Đầu tư đúng mục đích, yêu cầu đối với các tài sản cố định, máy thi công, máy móc thiết bị sản xuất và trang thiết bị quản lý để phục vụ tốt hơn cho hoạt động SXKD .

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống thất thoát nước.

4- Tiết kiệm chi phí điện năng:

- Vận hành máy bơm nước và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp trừ trường hợp thiếu áp phải bơm tăng cường nhằm hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.

- Trang bị các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý và hao tổn ít điện năng.

- Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực để hạn chế điện năng tiêu thụ.

- Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giảm chi phí sử dụng điện, tiết kiệm điện năng.

5- Về qui chế hoạt động và quản trị kinh doanh:

- Củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý và tổ chức sắp xếp bộ máy sản xuất kinh doanh sao cho phù hợp và hiệu quả. Tăng cường công tác giám sát và quản trị nội bộ.

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu. Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn cổ đông Công ty.

- Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực tài chính mạnh, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch trong phạm vi cấp nước của Công ty.

- Nâng cao trình độ công tác quản lý, trình độ chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ và trình độ cho người lao động.

- Thực hiện các qui định về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách, chế độ quy định khác theo luật định.

IV. KẾT LUẬN:

Trong năm 2015, được sự giúp đỡ tận tình và hỗ trợ từ Công ty mẹ là Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CB.CNV, công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2015. Theo kế hoạch SXKD năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng giữ vững mức tăng trưởng, đảm bảo tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ và mức chi trả cổ tức theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hội

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán PKF thực hiện.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2015 và qui chế sử dụng các quỹ như sau:

I- Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2015 và trích lập các quỹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015		8.124.573.085
2	Trích lập các quỹ (23% lợi nhuận sau thuế)	23%	1.868.651.809
a	Quỹ đầu tư phát triển (10%)	10%	812.457.309
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (13%). Bao gồm:	13%	1.056.194.500
	- Quỹ khen thưởng CB.CNV (4%)	4%	324.982.923
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành QL (3%)	3%	243.737.192
	- Quỹ phúc lợi CB.CNV (4%)	4%	324.982.923
	- Quỹ phúc lợi cộng đồng (2%)	2%	162.491.462
3	Dự kiến chia cổ tức (61,8% lợi nhuận sau thuế)	61,8%	5.025.000.000
4	Dự kiến tỉ lệ chia cổ tức/VĐL		30 %/VĐL
5	Lợi nhuận còn lại bổ sung Quỹ đầu tư phát triển (6,7% lợi nhuận sau thuế)	6,7%	545.100.000
6	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (8,4% lợi nhuận sau thuế)	8,4%	685.821.276

II- Qui chế sử dụng các quỹ sau khi trích lập:

1- Quỹ đầu tư phát triển :

Được dùng để :

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Công ty;
- Đầu tư xây dựng vào các dự án của Công ty;

- Bổ sung vốn kinh doanh Công ty.
- Bổ sung vốn điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển khi sử dụng phải theo qui định của Qui chế tài chính, Điều lệ của Công ty và phù hợp với qui định của pháp luật.

2- Quỹ khen thưởng :

Được dùng để :

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác, đóng góp của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3- Quỹ phúc lợi :

Được dùng để :

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty hoặc trong nội bộ ngành cấp nước.
- Ngoài ra còn được sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa... hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

4- Quỹ thưởng Ban điều hành :

Thưởng cho Ban điều hành quản lý, HĐQT, BKS Công ty.

5- Quỹ khen thưởng và phúc lợi, khi sử dụng phải theo Qui chế tài chính, Điều lệ của Công ty và phù hợp với qui định của pháp luật, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Công đoàn cơ sở Công ty. Công ty không được phép chi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

6- Lợi nhuận còn lại, chuyển sang năm sau: Dự phòng lợi nhuận cho năm sau, dự phòng có những biến động hoặc khó khăn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm kế tiếp sau. Đồng thời tích lũy để cân đối tỷ lệ cổ tức giữa các năm.

Trên đây là phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và qui chế sử dụng các quỹ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận .

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Đặng Trọng Thành

Số: /Tr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

*V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ
của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và XD Cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và XD Cấp nước Đồng Nai đã có chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty cho phù hợp.

Nay Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và XD Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Nội dung sửa đổi như sau:

1- Các Điều, Khoản sửa đổi:

Chi tiết các Điều khoản sửa đổi: theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này;

2- Các Điều, Khoản khác của Điều lệ: Không thay đổi (Giữ nguyên các Điều, Khoản như Điều lệ cũ năm 2013);

3- Hiệu lực của điều lệ sửa đổi bổ sung: Thực hiện và có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua;

4- Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần Dịch vụ và XD Cấp nước Đồng Nai gồm 18 Chương, 51 Điều được đăng tải trên Website Công ty (www.dvxdcn.com).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, phê chuẩn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Trọng Thành

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-HĐQT ngày 15/4/2016)

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 e. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn nếu có được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua bằng nghị quyết.	Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 <i>(Bỏ điểm e, Khoản 1)</i>	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty <i>Bỏ khoản 6</i>	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục số 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập <i>Bổ sung và sửa đổi Điều 5 như sau:</i> <i>Bỏ khoản 5</i> 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định của Điều 129 và Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. <i>Bổ sung thêm Khoản 8 như sau:</i> 8. Tổng số cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài sở hữu dưới 5 % vốn điều lệ công ty.	Căn cứ Điều 129 và Điều 130 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Bổ sung thêm Khoản 5 như sau: 5. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp	Căn cứ Điều 120 và Điều 121 Luật doanh nghiệp
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 8 như sau: 1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. 2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. 4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	Căn cứ Điều 126 Luật doanh nghiệp.

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty. 6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. 7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.	
Điều 11. Quyền của Cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục (06) sáu tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật doanh nghiệp.	Điều 11. Quyền của Cổ đông 2. Cổ đông Công ty có các quyền sau: b. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục (06) sáu tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và	Căn cứ khoản 4 Điều 132 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút. 2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bổ khoản 6 theo điều 115 Luật doanh nghiệp	Căn cứ khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều này như sau: 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Các cổ đông có đủ điều kiện quy định tại mục d, khoản 2, điều 15 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:	Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; a. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; c. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; a. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; b. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; c. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; d. Quyết định đầu tư, mua và bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; f. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	a) Thông qua định hướng phát triển Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này. g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; l) Xem xét việc Công ty ký kết hợp đồng với những người theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. m) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm. n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. 3. Các trường hợp cổ đông không được quyền biểu quyết: a) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng quy định tại điểm 1 khoản 2 điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
g. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp sau đây: Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán. 1. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	b) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua việc mua cổ phần của chính mình hoặc người có liên quan. 4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.	
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: b. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; c. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; d. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 15 như sau: 1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức: a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau: - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 15% đến dưới 25% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện. b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện	Căn cứ Điều 140 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
đăng ký với Công ty). 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 0, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: b. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; d. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	theo uỷ quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo uỷ quyền. c. Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản uỷ quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo uỷ quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo uỷ quyền; - Thời hạn uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo uỷ quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được uỷ quyền; d. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; - Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo uỷ quyền tại Công ty. 2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	dự họp trước khi vào phòng họp. b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	Điều 17. Triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 17 như sau: 1. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau: a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu cuộc họp theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Xác định thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Việc thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp. 2. Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình Đại hội và các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. 3. Báo cáo và tài liệu Đại hội cổ đông do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06	Căn cứ Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp Căn cứ Điều 139 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: · Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; · Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; · Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua; · Các trường hợp khác. 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	tháng trở lên có quyền kiến nghị về các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 5. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 điều này nếu có một trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn; b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục 6 tháng; d) Đề xuất không có những thông tin rõ ràng. 6. Cấp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 8. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. 9. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	b) Phiếu biểu quyết; c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. 10. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 8 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. 11. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không sớm hơn 15 ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người bán cổ phần có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đối với số cổ phần đã chuyển nhượng; c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; d) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 12. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần phổ thông. 13. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có đủ số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, Đại hội phải được triệu tập lại lần 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ nhất. 2. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. 3. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 139 và Điều 141 Luật doanh nghiệp
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: c. Thông qua báo cáo tài chính năm; c. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc	Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 20 như sau: 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông qua định hướng phát triển Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 143 và căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty. 3. Đối với việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty có thể thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. 4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với quyết định về các vấn đề sau thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Tổ chức lại, giải thể Công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. b) Các vấn đề khác (ngoài nội dung quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này) thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. 6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	đúng như quy định. 7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận đối với những vấn đề nêu ở điểm a Khoản 4 Điều này. Các vấn đề khác là 51%. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này. 8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.	
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu 7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website Công ty trong vòng 24h và gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết quy định tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.	Căn cứ Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông		
Điều 22. Biên bản Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Điều 22. Biên bản Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website Công ty.	
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 0. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 0. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: e. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên; từ 15% đến dưới 25% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 25% đến dưới 35% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên. 3. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. c) Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên đề cử; d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và độc lập, có ý thức chấp hành luật pháp. e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty và không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: e. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp;	Căn cứ pháp lý Căn cứ Điều 151 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành; l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;	Bổ Khoản 7 Điều 24 Điều lệ cũ Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; e) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp; g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, quyết định mức lương, thời hạn tuyển dụng và lợi ích khác của Giám đốc. k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kế toán trưởng và các Phó Giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng, các Phó Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Giám đốc. l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết	Căn cứ Điều 130 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty. 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh); d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá số tiền quy định tại Quy chế tài chính của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài	định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; n) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi vàng; q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; r) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc phá sản Công ty; s) Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. 6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 27 như sau: Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, cụ thể như sau: 1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ít nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp thường kỳ vào bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần. 2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào nếu không có lý do chính đáng khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a) Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát. b) Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị; Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. 3. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
27 có thể tự mình triệu tập Hội đồng quản trị. 5.Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6.Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. 7.Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 8.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9.Biểu quyết. a.Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành	Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 5. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 6. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ không có quyền biểu quyết. 7. Biên bản cuộc họp phải được thông qua tại cuộc họp; do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký tên và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c.Theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d.Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 10.Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 11.Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. 12.Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia		

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
hợp đều có thể: a.Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b.Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 13.Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 14.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. 15.Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các		

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.		
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp; b) Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% Vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác (không phải là thành viên HĐQT) thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. c) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty.	Căn cứ Điều 65 Luật doanh nghiệp
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của	Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 2. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 2. Ban kiểm soát bầu ra một (01) thành viên làm trưởng Ban kiểm soát và phải làm việc chuyên trách. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 ứng viên; nắm giữ từ 50% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên	
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản	Căn cứ Điều 162 và Khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ <i>Bổ khoản 1 Điều 37 Điều lệ cũ</i>	
Điều 39. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ	Điều 39. Phân phối lợi nhuận 1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. 2. Phân chia cổ tức: a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. b) Hội đồng quản trị quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày chốt danh sách cổ đông chậm nhất 30 (ba mươi) trước ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức được	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. c) Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình sau thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức thì người chuyển nhượng (người bán) là người nhận cổ tức từ Công ty theo số cổ phần đã chuyển nhượng đó. d) Hội đồng quản trị có thể tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. đ) Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu chỉ trả bằng tiền mặt thì phải trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty hoặc bằng lệnh chuyển tiền đến tài khoản của cổ đông tại ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty chuyển mà cổ đông đó không nhận được. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán. e) Cổ tức có thể được trả bằng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung dùng để trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất.	
Điều 47. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại	Điều 47. Chấm dứt hoạt động 0. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: d. Khi công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; d. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
Điều 48. Gia hạn hoạt động	Bỏ điều 48 Điều lệ cũ	
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp

Số: /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 13/4/2016.

Nhằm đảm bảo quy mô vốn phù hợp với thực tiễn tình hình hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến về chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

- Năm 2009, tại Đại hội cổ đông thường niên 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ lên thành 15 tỷ để đầu tư xây dựng nhà máy nước Hóa An c/s 15.000m³/ngày đêm. Tháng 5/2015 nhà máy nước Hóa An đã chính thức đi vào hoạt động và đến nay nhà máy đã vận hành đạt gần 100% công suất thiết kế.

- Dự kiến nhu cầu cấp nước của nhà máy nước Hóa An sẽ tăng cao, do tốc độ phát triển dân cư và nhu cầu sử dụng nước sạch của dân cư khu vực các xã: Hóa An, Tân Hạnh và 02 phường Bửu hòa, Tân Vạn. Tháng 3/2015, Công ty đã làm tờ trình gửi Công ty CP cấp nước Đồng Nai xin mua đất để mở rộng nâng công suất nhà máy từ 15.000m³/ngày đêm lên thành 30.000m³/ngày đêm và được Công ty mẹ chấp thuận tại văn bản số 12/CV-HĐQT ngày 31/3/2015.

- Tháng 9/2015 UBND tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 7350/UBND-CNN ngày 11/9/2015 chấp thuận chủ trương của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai về việc đầu tư mở rộng nhà máy nước Hòa An trên diện tích đất 3.500m² tại xã Hóa An thành phố Biên Hòa.

- Khi mới thành lập năm 2008, vốn Điều lệ Công ty là 5 tỷ. Sau 2 lần tăng vốn, đến nay vốn Điều lệ Công ty là: 16,75 tỷ đồng. Để bổ sung nguồn vốn nhằm phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy nước Hóa An từ 15.000m³/ngày đêm lên thành 30.000m³/ngày đêm, chuẩn bị tiếp nhận và mở rộng mạng cấp nước trong phạm vi các xã: Hóa An, Tân Hạnh và 02 phường Bửu hòa, Tân Vạn. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty là cần thiết và phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

Vậy Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 16,75 tỷ lên thành 30 tỷ.

Thời gian thực hiện: dự kiến trong Quý I năm 2017.

Nếu Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng kế hoạch, phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ để xin ý kiến cổ đông và thực hiện các công việc có liên quan khác về tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông.



Đặng Trọng Thành

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau:

1- Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2- Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

Hai công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận ./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông .

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Đỗ Thị Thúy Hằng

TỜ TRÌNH

V/v: Mức thù lao của các thành viên
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2016

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2015 đã được kiểm toán và căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2016 phê duyệt mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 như sau :

ST T	Chức danh	Số người	Tiền lương (đồng/người/ tháng)	Thù lao (đồng/người/ tháng)	Cộng năm (12 tháng) (đồng/năm)
I	Hội đồng quản trị	3			480.000.000
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	1	30.000.000	-	360.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	2		5.000.000	120.000.000
II	Ban kiểm soát	3			384.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách)	1			312.000.000
a	Tiền lương		22.000.000		264.000.000
b	BHXH, BHYT và các khoản trích theo lương		4.000.000		48.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	2		3.000.000	72.000.000
	TỔNG CỘNG I + II				864.000.000

(Mức lương và thù lao trên bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân. Công ty cổ phần sẽ trừ thuế TNCN theo qui định)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Thành

Số: 21./BC-HĐQT

Biên Hoà, ngày 15 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 việc thực hiện đăng ký công ty đại chúng của Công ty trong năm 2015 như sau:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 21/4/2015 của Công ty CP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai V/v: ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đăng ký công ty đại chúng, đăng ký lưu ký chứng khoán để giao dịch Upcom.

- Ngày 12/08/2015 Công ty đã ký hợp đồng số 118-2015/TVTC/FPTS-HCM &DWCS với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT- Chi nhánh TP. HCM về việc tư vấn đăng ký Công ty đại chúng. Sau đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT-Chi nhánh TP.HCM đề nghị Công ty CP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai tiếp tục gửi văn bản số 91/DVXDCN ngày 16/9/2015 về việc xem xét hướng dẫn làm thủ tục đăng ký công ty đại chúng của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)

- Ngày 01/10/2015 theo CV số 6241/UBCK-QLPH Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời là chưa đủ cơ sở xem xét hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

- Theo hướng dẫn của UBCKNN, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT- Chi nhánh TP. HCM đã gửi văn bản số 10/FCF ngày 11/11/2015 và văn bản số 15/2016/CV/FPTS/FCF ngày 26/02/2016 cho Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai về xác nhận tăng vốn điều lệ (CV gửi lần 2). Hiện nay, Công ty vẫn đang đợi Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai xác nhận quá trình tăng vốn trước đây của Công ty để bổ sung hồ sơ, hoàn tất việc đăng ký Công ty đại chúng.

Trong thời gian tới, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai sẽ tiếp tục làm hồ sơ và các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký công ty đại chúng. Sau đó thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký tập trung và giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, lựa chọn thời điểm niêm yết, đảm bảo việc niêm yết cổ phiếu của Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----o0o----

Số: /BB-HĐQT

Biên Hòa, ngày tháng 4 năm 2016

“Dự thảo”

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

A- THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI:

- Thời gian: vào lúc giờ phút, ngày 27 tháng 4 năm 2016 (Thứ Tư).
- Địa điểm: tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

B- THÀNH PHẦN THAM DỰ :

Ngay thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời: cổ đông
- Tham dự Đại hội có cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương cổ phần, chiếm tỷ lệ% / Vốn điều lệ.

C. NỘI DUNG ĐẠI HỘI :

I/ Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Đại hội đã nghe ông - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự: cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự: 100.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tham dự Đại hội có cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đủ điều kiện để khai mạc và tiến hành theo quy định.

II/ Thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1/ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

2/ Chủ tọa Đại hội:

- Ông Đặng Trọng Thành

- Chủ tịch HĐQT

3/ Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm :

1. Ông Nguyễn Phước Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

4/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội) thông qua tờ trình đề cử Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Lê Chí Nguyên Thăng - Trưởng ban.

2. Ông Phạm Ngọc Tú - Thành viên.

3. Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Thành viên.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm Thẻ biểu quyết của các cổ đông dự họp để báo cho Ban Thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.

- Kiểm Phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp để báo cáo và hoàn chỉnh Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

4/ Đại hội đã thống nhất biểu quyết% thông qua chương trình Đại hội do Chủ tọa Đại hội trình bày.

III/ Nội dung chính của Đại hội:

1/ Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo như sau:

1.1 Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

1.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016.

1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015.

1.4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2015 của các thành viên Ban Kiểm soát

1.5. Báo cáo thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

1.6. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.

1.7. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

1.8. Thông qua Tờ trình về chủ trương tăng vốn Điều lệ Công ty.

1.9. Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

1.10. Thông qua Tờ trình đề xuất mức thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016.

1.11. Thông qua Báo cáo việc thực hiện đăng ký công ty đại chúng.

2/ Đại hội sau khi nghe các nội dung, cổ đông đã thảo luận và biểu quyết:

2.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Quy chế làm việc của Đại hội (Gồm: phiếu tán thành,..... phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.3. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2015 của các thành viên Ban Kiểm soát Công ty. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.7. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.8. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.9. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Tờ trình về chủ trương tăng vốn Điều lệ của Công ty từ 16,75 tỷ lên thành 30 tỷ (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

2.11. Đại hội đồng cổ đông thống nhất%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua đề xuất mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. (Gồm: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến).

V- THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI :

Đại hội đồng cổ đông nhất trí % thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc giờ phút ngày **27/4/2016**.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã xin Đại hội biểu quyết. Đại hội đã nhất trí biểu quyết%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

- Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: <http://www.dvxdcn.com>, *chương mục: Thông tin cổ đông*.

BAN THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Phước Dũng

Đặng Trọng Thành

Số: /NQ-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016

“Dự Thảo”

NGHỊ QUYẾT **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai ngày 27 tháng 04 năm 2016.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bắt đầu lúc giờ ngày **27/4/2016** và kết thúc lúc giờ phút ngày **27/4/2016**.

Đến dự Đại hội có cổ đông, sở hữu cổ phần, chiếm tỷ lệ%/vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Sau khi nghe các báo cáo theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua nội dung, chương trình, quy chế làm việc và hình thức biểu quyết tại Đại hội -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
2. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. hội -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016-% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015 -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
5. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015 -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

6. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015 -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
	Vốn điều lệ		16.750.000.000
	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :		8.124.573.085
I	Lợi nhuận sử dụng để phân phối		8.124.573.085
II	Trích lập các quỹ	23%	1.868.651.809
1	Quỹ đầu tư phát triển	10%	812.457.309
2	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	13%	1.056.194.500
2.1	<i>Quỹ khen thưởng CBCNV</i>	4%	324.982.923
2.2	<i>Quỹ phúc lợi CBCNV</i>	4%	324.982.923
2.3	<i>Quỹ khen thưởng ban điều hành</i>	3%	243.737.192
2.4	<i>Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng (*)</i>	2%	162.491.462
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ		6.255.921.276
4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		
5	Chia cổ tức (30%/VĐL)	61,8%	5.025.000.000
6	Lợi nhuận còn lại b/s quỹ đầu tư phát triển	6,7%	545.100.000
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau		685.821.276

7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau :

Đơn vị tính: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Kế hoạch 2016
1	Tổng vốn điều lệ		16.750.000.000
2	Tổng doanh thu		79.490.125.000
3	Lợi nhuận trước thuế		5.500.000.000
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Vốn điều lệ		32,8%
5	Nộp thuế TNDN (20%)		1.100.000.000
6	Kế hoạch phân phối lợi nhuận		
6.1	Lợi nhuận sau thuế		4.400.000.000
6.2	Trích quỹ:	23,5%	1.034.000.000
a	Quỹ đầu tư phát triển	10%	440.000.000
b	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	13,5%	594.000.000
	- <i>Quỹ khen thưởng CB.CNV</i>	4%	176.000.000
	- <i>Quỹ phúc lợi CB.CNV</i>	4%	176.000.000

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Kế hoạch 2016
	- Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng	2 %	88.000.000
	- Quỹ thưởng Ban Điều hành	3,5%	154.000.000
6.3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ		3.366.000.000
6.4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		685.821.276
6.5	Lợi nhuận chia cổ tức (20%/VĐL)		3.350.000.000
6.6	Tỷ lệ chia cổ tức		20%/ VĐL
6.7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau		701.821.276

8. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
9. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về chủ trương tăng vốn Điều lệ Công ty từ 16,75 tỷ lên thành 30 tỷ -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
10. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 -% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
11. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị Ban Kiểm soát năm 2016 –% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua. Trong đó:
- a/ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát: 672.000.000 đồng/năm
- b/ Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát: 192.000.000 đồng/năm

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết này.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai thông qua với%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành từ ngày 27/4/2016.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Cô đồng Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.HĐQT.

Đặng Trọng Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.068.105.102	42.607.009.263
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.420.935.577	3.339.357.074
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	2.508.447.750	3.426.869.247
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(87.512.173)	(87.512.173)
II. Tài sản cố định	220		34.647.169.525	37.904.667.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	34.647.169.525	37.904.667.542
<i>Nguyên giá</i>	222		50.940.597.468	47.699.111.779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.293.427.943)	(9.794.444.237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.442.505.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	1.442.505.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	10.479.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	10.479.647
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.013.198.349	73.769.006.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.945.093.247	31.071.997.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.504.046.121	24.901.932.862
1. Tiền	111		24.504.046.121	16.901.932.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.674.521.780	5.818.608.454
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	9.617.403.288	5.118.786.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	76.482.620	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	980.635.872	699.822.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		766.525.346	351.456.370
1. Hàng tồn kho	141	V.6	766.525.346	351.456.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		44.304.084.439	49.265.104.124
I.	Nợ ngắn hạn	310		18.375.292.895	15.076.445.425
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	4.306.891.167	5.834.959.740
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.484.797.168	1.437.377.647
4.	Phải trả người lao động	314	V.12	9.318.268.616	6.800.471.663
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.245.095.805	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	349.108.075	768.466.311
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	671.132.064	235.170.064
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		25.928.791.544	34.188.658.699
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	53.791.544	4.563.658.699
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10	250.000.000	250.000.000
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	25.625.000.000	29.375.000.000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

06

IG 1

VII

HI N

IÀN

Ổ C

T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.709.113.910	24.503.902.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.709.113.910	24.503.902.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	16.750.000.000	16.750.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.750.000.000	16.750.000.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	31.510.500	31.510.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	3.803.030.325	2.028.770.465
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	8.124.573.085	5.693.621.860
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.124.573.085	5.693.621.860
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.013.198.349	73.769.006.949

Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hội
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.325.963.887	69.954.134.318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	91.325.963.887	69.954.134.318
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.603.579.286	58.291.175.790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.722.384.601	11.662.958.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	354.549.288	635.400.685
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.252.081.000	2.367.750.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.252.081.000	2.367.750.000
8. Chi phí bán hàng	25		260.561.271	173.613.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.540.167.640	2.457.480.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.024.123.978	7.299.515.206
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.024.123.978	7.299.515.206
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	2.899.550.893	1.605.893.346
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.124.573.085	5.693.621.860
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	4.850	3.399
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	4.511	3.193

2015
TINH
NAI
NH
PHI
MINH
50



Nguyễn Thị Hoa
Người lập biểu

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hội
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.024.123.978	7.299.515.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	6.498.983.706	4.106.059.087
- Các khoản dự phòng	03		-	87.512.173
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(213.208.220)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.252.081.000	2.367.750.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.561.980.464	13.860.836.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.937.491.829)	9.928.185.457
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(415.068.976)	(163.006.102)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.869.657.462)	35.120.311.650
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.479.647	79.174.682
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(2.367.750.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.162.638.000)	(793.494.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(2.683.498.116)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(364.400.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(133.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.370.705.728	55.299.857.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.8	(1.881.800.689)	(37.461.766.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		213.208.220	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.668.592.469)	(37.461.766.479)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

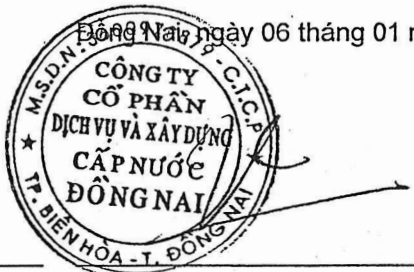
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(3.750.000.000)	(10.625.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(3.350.000.000)	(2.367.300.000)
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.100.000.000)	(12.992.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(397.886.741)	4.845.790.835
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.901.932.862	20.056.142.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24.504.046.121	24.901.932.862

Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016


 Nguyễn Thị Hoa
 Người lập biểu


 Lê Chí Nguyên Thắng
 Kế toán trưởng


 Phạm Văn Hội
 Giám đốc